

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày 14 tháng 9 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Dương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3092/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-HĐND ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

1. Điều chỉnh về tên gọi, vị trí, diện tích đối với 13 công trình, dự án với diện tích trước điều chỉnh là 80,92ha và sau điều chỉnh là 156,85ha, chênh lệch tăng 75,93ha (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Bổ sung danh mục 27 công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất với tổng diện tích 233,15ha (*Phụ lục II kèm theo*).

3. Loại bỏ công trình: Bia tưởng niệm xã An Linh tại xã An Linh, huyện Phú Giáo với diện tích 0,16ha.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 10 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./

CHỦ TỊCH
Đã ký: Phạm Văn Chánh

Phụ lục I
DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THUỘC DIỆN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2021
CÓ ĐIỀU CHỈNH VỀ TÊN GỌI, VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

| STT | Hạng mục | Chủ đầu tư | Mã QH | Trước điều chỉnh | | | Sau điều chỉnh | | | Chênh lệch (ha) | Ghi chú | |
|------------|--|--------------------------------|----------|------------------|--|----------------------|--|----------------|---------------------|--|-----------------|--|
| | | | | Diện tích (ha) | Vị trí: Số tờ, số thửa | Phường, xã, thị trấn | Hạng mục | Diện tích (ha) | Vị trí: số tờ, thửa | | | Xã, phường, thị trấn |
| I | Thành phố Thuận An | | 1 | 2,30 | | | | 2,23 | -0,07 | | | |
| 1 | Trường Tiểu học An Phú 3 | UBND thành phố | DGD | 2,30 | Các thửa đất số: 38, 48, 49, 261, tờ bản đồ số 141 | An Phú | Trường Tiểu học An Phú 3 | 2,23 | 2,23 | Các thửa đất số: 38, 48, 49, 258, tờ bản đồ số 141 | An Phú | Điều chỉnh diện tích và vị trí thửa đất |
| II | Thị xã Bến Cát | | 1 | 0,40 | | | | 0,40 | | | | |
| 1 | Công trình Đường dây 110kV từ TBA 220kV Bến Cát - Asendas - An Tây | Tổng Công ty điện lực Miền Nam | DNL | 0,40 | Công trình đang tuyến | An Tây | Công trình Đường dây 110kV từ TBA 220kV Bến Cát - Asendas - An Tây | 0,40 | 0,40 | Công trình đang tuyến | An Tây, An Điền | Công trình đang thực hiện bồi thường GPMB (bổ sung địa điểm) |
| III | Huyện Phú Giáo | | 3 | 56,74 | | | | 117,12 | 60,38 | | | |
| 1 | Trạm biến áp 110kV KCN Công Xanh và đường dây đầu nối | Tổng Công ty điện lực Miền Nam | DNL | 0,28 | Công trình đang tuyến | Phước Hòa | Trạm biến áp 110kV KCN Công Xanh và đường dây đầu nối | 0,50 | 0,50 | Công trình đang tuyến | Phước Hòa | Công trình đang thực hiện bồi thường GPMB (điều chỉnh diện tích) |

| STT | Hạng mục | Chủ đầu tư | Mã QH | Trước điều chỉnh | | | Sau điều chỉnh | | | | Chênh lệch (ha) | Ghi chú |
|-----------|---|--------------------------------|----------|------------------|--|---|---|----------------|--|---|-----------------|--|
| | | | | Diện tích (ha) | Vị trí: Số thửa | Phường, xã, thị trấn | Hạng mục | Diện tích (ha) | Vị trí: số thửa | Xã, phường, thị trấn | | |
| 2 | Mở rộng trường tiểu học An Long | UBND huyện | DGD | 0,35 | Các thửa đất thuộc tờ BĐ số 24 | An Long | Mở rộng trường tiểu học An Long | 0,51 | Các thửa đất thuộc tờ BĐ số 24 | An Long | 0,16 | Điều chỉnh diện tích |
| 3 | Đường tạo lực Bắc Tân Uyên- Phú Giáo- Bàu Bàng | UBND huyện | DGT | 56,11 | Công trình dạng tuyến | Vĩnh Hòa, Tam Lập, Phước Vĩnh, Tân Hiệp, Tân Long | Đường tạo lực Bắc Tân Uyên- Phú Giáo- Bàu Bàng | 116,11 | Công trình dạng tuyến | Vĩnh Hòa, Tam Lập, Phước Vĩnh, Tân Hiệp, Tân Long | 60,00 | Công trình đang thực hiện bồi thường GPMB (điều chỉnh diện tích) |
| IV | Huyện Bắc Tân Uyên | | 3 | 9,90 | | | | 21,68 | | | 11,78 | |
| 1 | Đầu tư xây dựng mới đường và cầu Vàm Tư | UBND huyện | DGT | 6,90 | Tờ bản đồ số 16, 17, 18, xã Bình Mỹ; tờ bản đồ số 40, 48 xã Tân Định | Bình Mỹ, Tân Định | Đầu tư xây dựng mới đường và cầu Vàm Tư | 18,28 | Tờ bản đồ số 6, 7, 8, 10, 16, 17 xã Bình Mỹ; tờ bản đồ số 6, 7, 40, 41 xã Tân Định | Bình Mỹ, Tân Định | 11,38 | Công trình đang thực hiện bồi thường GPMB (điều chỉnh diện tích, vị trí) |
| 2 | Bồi thường, hỗ trợ xây dựng Trường THCS Bình Mỹ | UBND huyện | DGD | 2,70 | 1 phần thửa đất số 177 tờ bản đồ số 52 | Bình Mỹ | Bồi thường, hỗ trợ xây dựng Trường THCS Bình Mỹ | 3,00 | 1 phần thửa đất số 116 tờ bản đồ số 52 | Bình Mỹ | 0,30 | Công trình đang thực hiện bồi thường GPMB (thay đổi thửa đất, diện tích) |
| 3 | Trạm biến áp 110kV VSIP2-MR2 và đường dây đầu nối | Tổng Công ty điện lực Miền Nam | DNL | 0,30 | Công trình dạng tuyến | Bình Mỹ | Trạm biến áp 110kV VSIP2-MR2 và đường dây đầu nối | 0,40 | Công trình dạng tuyến | Bình Mỹ, Tân Lập | 0,10 | Công trình đang thực hiện bồi thường GPMB (bổ sung địa điểm, điều chỉnh diện tích) |

| STT | Hạng mục | Chủ đầu tư | Mã QH | Trước điều chỉnh | | | Sau điều chỉnh | | | | Chênh lệch (ha) | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------------|-------|------------------|---|-----------------------|--|----------------|---|--|--|---------|
| | | | | Diện tích (ha) | Vị trí: Số tờ, số thửa | Phường, xã, thị trấn | Hạng mục | Diện tích (ha) | Vị trí: số tờ, thửa | Xã, phường, thị trấn | | |
| V | Huyện Bàu Bàng | | 2 | 2,00 | | | | 2,00 | | | | |
| 1 | Công trình trạm biến áp 110kV Bàu Bàng 2 và đường dây đầu nối | Tổng Công ty điện lực Miền Nam | DNL | 0,70 | Công trình dạng tuyến | Lai Hưng | Công trình trạm biến áp 110kV Bàu Bàng 2 và đường dây đầu nối | 0,70 | Công trình dạng tuyến | Lai Hưng, Lai Uyên | Công trình đang thực hiện bởi thường GPMB (bổ sung địa điểm) | |
| 2 | Công trình TBA 110kV Thanh An và đường dây 110kV Thanh An - trạm 220kV Bến Cát | Tổng Công ty điện lực Miền Nam | DNL | 1,30 | Công trình dạng tuyến | Long Nguyên, Lai Hưng | Đường dây 110kV trạm 110kV Thanh An - trạm 220kV Bến Cát | 1,30 | Công trình dạng tuyến | Long Nguyên, Lai Hưng | Công trình đang thực hiện bởi thường GPMB (thay đổi tên) | |
| VI | Huyện Dầu Tiếng | | 3 | 9,58 | | | | 13,42 | | | 3,84 | |
| 1 | Trạm biến áp 110kV Thanh An và đường dây Thanh An - Trạm 220kV Bến Cát | Tổng Công ty điện lực Miền Nam | DNL | 0,70 | Công trình dạng tuyến | Thanh An | Trạm 110kV Thanh An Đường dây 110kV trạm 110kV Thanh An - Trạm 220kV Bến Cát | 0,40 0,5 | Công trình dạng tuyến Công trình dạng tuyến | Thanh An Thanh An, Thanh Uyên, An Lập | Công trình đang thực hiện bởi thường GPMB (thay đổi tên thành 02 công trình) | |
| 2 | Xây dựng đường vào Khu di tích Sở chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh | UBND huyện Dầu Tiếng | DGT | 2,63 | Công trình dạng tuyến (từ Đường nhựa đến Sở chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh) | Minh Tân | Xây dựng đường vào Khu di tích lịch sử Sở chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh | 3,52 | Công trình dạng tuyến (từ Đường nhựa đến Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh) | Minh Tân | Điều chỉnh diện tích và vị trí thửa đất | |

| STT | Hạng mục | Chủ đầu tư | Mã QH | Trước điều chỉnh | | | Sau điều chỉnh | | | | Chênh lệch (ha) | Ghi chú |
|-----------------------|---|----------------------|-------|------------------|------------------------|-----------------------|---|----------------|-----------------------|-----------------------|-----------------|---|
| | | | | Diện tích (ha) | Vị trí: Số tờ, số thửa | Phường, xã, thị trấn | Hạng mục | Diện tích (ha) | Vị trí: số tờ, thửa | Xã, phường, thị trấn | | |
| 3 | Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 (đoạn từ xã Thanh An đến xã Định Hiệp - giai đoạn 2) | UBND huyện Dầu Tiếng | DGT | 6,25 | Công trình dạng tuyến | Thanh An và Định Hiệp | Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 (đoạn từ xã Thanh An đến xã Định Hiệp - giai đoạn 2) | 9,00 | Công trình dạng tuyến | Thanh An và Định Hiệp | 2,75 | Điều chỉnh diện tích và vị trí thửa đất |
| TỔNG DIỆN TÍCH | | | | 80,92 | | | | 156,85 | | | 75,93 | |

Phụ lục II
DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THUỘC ĐIỆN THU HỒI ĐẤT
BỔ SUNG THỰC HIỆN TRONG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

| Stt | Hạng mục | Chủ đầu tư | Mã | Diện tích QH (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Xã, phường, thị trấn | Số tờ, số thửa | Nguồn vốn | Pháp lý dự án | Vốn đầu tư dự án | | Ghi chú |
|-----------|--|--------------------------------|----------|-------------------|---------------------------|--------------------------|---|-----------------------|-------------------|---|------------------|--|---------|
| | | | | | | | | | | | Pháp lý vốn | Số vốn (triệu đồng) | |
| A | Dự án thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 | | | | | | | | | | | | |
| I | Thành phố Thủ Dầu Một | | 2 | 1,42 | 0,00 | 1,42 | | | | | | | |
| 1 | Trạm 110kV T3 và đường dây 110kV T3 - Trạm 220kV Tân Định | Tổng Công ty điện lực Miền Nam | DNL | 0,64 | | 0,64 | Phú Tân | Công trình đang tuyển | Doanh nghiệp | Văn bản số 4763/UBND-KTN ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh về thỏa thuận vị trí | | Vốn doanh nghiệp, theo Công văn đăng ký số 2253/PCBD-QLDA ngày 25/5/2021 của Cty Điện lực Bình Dương | |
| 2 | Xây dựng hầm chui tại nút giao ngã tư Chợ Đỉnh | Ban Quản lý DADTXD tỉnh | DGT | 0,78 | | 0,78 | Phú Lợi, Hiệp Thành, Phú Cường, Phú Hòa | Công trình đang tuyển | Ngân sách | Quyết định chủ trương đầu tư số 1653/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 | | STT 10, Phụ lục III: Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2021 | 10.000 |
| II | Thành phố Thuận An | | 1 | 1,45 | 0,00 | 1,45 | | | | | | | |
| 1 | Nâng cấp, mở rộng đường An Phú 17 | UBND thành phố Thuận An | DGT | 1,45 | | 1,45 | An Phú | Công trình đang | Xã hội hóa (đóng) | Theo VB số 1540/UBND-KT ngày | | Văn bản số 0305/2021/CV-PS ngày | 99.157 |

| Stt | Hạng mục | Chủ đầu tư | Mã | Diện tích QH (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Xã, phường, thị trấn | Số tờ, số thửa | Nguồn vốn | Pháp lý dự án | Vốn đầu tư dự án | | Ghi chú |
|-----|--|--|-----|-------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|---|--|---------------------|---------|
| | | | | | | | | | | | Pháp lý vốn | Số vốn (triệu đồng) | |
| III | Bến Cát | | 2 | 15,32 | 15,14 | 0,18 | | tuyên | góp của Doanh nghiệp) | 01/6/2021 của UBND TP Thuận An | 04/5/2021 của Cty TNHHĐT Phước Sơn cam kết bỏ toàn bộ vốn đầu tư | | |
| 1 | Hệ thống thoát nước bên ngoài các khu công nghiệp An Tây - Mai Trung - Việt Hương 2 | Ban Quản lý chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương | DTL | 15,19 | 15,14 | 0,05 | An Điền | tờ bản đồ số 29, 30, 31 | Ngân sách | Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 08/4/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư | STT 5 - Phụ lục Kế hoạch đầu tư công đối với Ban Quản lý chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương: Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2021 | 117.990 | |
| 2 | Xây dựng hệ thống thoát nước hạ lưu công Rau Muống đi qua Khu dân cư Mỹ Phước 3 đến rạch Chùm Chùm | Ban Quản lý dự án thị xã Bến Cát | DTL | 0,13 | 0,13 | 0,13 | Mỹ Phước | Công trình đang tuyên | Ngân sách | Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND thị xã Bến Cát về chủ trương đầu tư | Quyết định số 2634/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thị xã Bến Cát về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 | 14.970 | |
| IV | Thị xã Tân Uyên | | 3 | 27,84 | | 27,84 | | | | | | | |
| 1 | Xây dựng nhà bia liệt sỹ xã Thạnh | UBND xã Thạnh | DVH | 0,01 | | 0,01 | Thanh Hội | Một phần thửa 56 | Ngân sách | Quyết định số 4183/QĐ- | STT 70 - Kế hoạch đầu tư | 1.000 | |

| Stt | Hạng mục | Chủ đầu tư | Mã | Diện tích QH (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Xã, phường, thị trấn | Số tờ, số thửa | Nguồn vốn | Pháp lý dự án | Vốn đầu tư dự án | | Ghi chú |
|-----|--|-----------------------------|-----|-------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------------|--------------|---|--|---------------------|---------|
| | | | | | | | | | | | Pháp lý vốn | Số vốn (triệu đồng) | |
| | Hội | Hội | | | | | | tờ bản đồ số 5 | | UBND ngày 23/9/2020 của UBND thị xã Tân Uyên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư | công năm 2021 kèm theo Quyết định số 6260/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND thị xã Tân Uyên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 | | |
| 2 | Làm mới đường ĐT 746 nối dài (đoạn từ dốc cây Quáo đến điểm giao với đường Thủ Biên Công Xanh) | UBND thị xã Tân Uyên | DGT | 0,002 | | 0,002 | Uyên Hưng | Thửa đất số 162 tờ bản đồ 43 | Ngân sách | Quyết định số 2981/UBND-KTTH ngày 27/9/2010 của UBND tỉnh về việc chủ trương lập các dự án để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho dự án BOT 03 tuyến đường huyện Tân Uyên | STT 30- Phụ lục IV: Quyết định số 3895/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2020 | 1.065 | |
| 3 | Cảng Thanh Phước (giai đoạn 2) | Công ty CP Cảng Thanh Phước | DGT | 27,83 | | 27,83 | Thanh Phước | Tờ bản đồ 7, 10 | Doanh nghiệp | Công văn số 5634/UBND-KT ngày 17/11/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện dự án Cảng Thanh Phước và | Văn bản số 18A/2021/TPP ngày 12/5/2021 của Công ty cổ phần Cảng Thanh Phước về việc cam kết vốn thực hiện dự án | 50.000 | |

| Stt | Hạng mục | Chủ đầu tư | Mã | Diện tích QH (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Xã, phường, thị trấn | Số tờ, số thửa | Nguồn vốn | Pháp lý dự án | Vốn đầu tư dự án | | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------------|----------|-------------------|---------------------------|--------------------------|---------------------------------------|-----------------------|--------------|--|---|---------------------|---------|
| | | | | | | | | | | | Pháp lý vốn | Số vốn (triệu đồng) | |
| V | Huyện Bàu Bàng | | 1 | 0,30 | 0,00 | 0,30 | | | | Công văn số 1922/UBND-KTN ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh về việc, giải phòng mặt bằng dự án Cảng Thạnh Phước (Giai đoạn 2) | Cảng Thạnh Phước (giai đoạn 2) | | |
| 1 | Các lộ ra 110kV TBA 220kV Bén Cát | Tổng Công ty điện lực Miền Nam | DNL | 0,30 | | 0,30 | Lai Hưng | Công trình dạng tuyến | Doanh nghiệp | Văn bản số 4988/UBND-KTN ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh về thỏa thuận vị trí | Vốn doanh nghiệp, theo Công văn đăng ký số 2252/PCBD-QLDA ngày 25/5/2021 của Cty Điện lực Bình Dương | | |
| VI | Huyện Phú Giáo | | 6 | 10,59 | 0,00 | 10,59 | | | | | | | |
| 1 | Đường dây 110kV Phú Giáo - TBA 220kV Uyên Hưng | Tổng Công ty điện lực Miền Nam | DNL | 0,40 | | 0,40 | Vĩnh Hòa, Phước Hòa | Công trình dạng tuyến | Doanh nghiệp | Văn bản số 2908/UBND-KTN ngày 26/8/2015 của UBND tỉnh về thỏa thuận vị trí | Vốn doanh nghiệp, theo Công văn đăng ký số 2251/PCBD-QLDA ngày 25/5/2021 của Cty Điện lực Bình Dương | | |
| 2 | Đường dây 220kV đầu nối Trạm 500kV Bình Dương 1 - rẽ Uyên Hưng - Sông Mây | Tổng Công ty điện lực Miền Nam | DNL | 1,82 | | 1,82 | An Bình, Tam Lập, Vĩnh Hòa, Phước Hòa | Công trình dạng tuyến | Doanh nghiệp | Văn bản số 1562/UBND-KT ngày 01/4/2020 của UBND tỉnh về thỏa thuận vị trí | Vốn doanh nghiệp, theo Công văn đăng ký số 5422/SPMIB-PDB ngày 26/5/2021 của Ban Quản lý Dự án các công trình điện Miền Nam | | |
| 3 | Nâng cấp, mở | Ban | DGT | 3,20 | | 3,20 | Phước Hòa | Công | Ngân | QĐ số | STT 56- Phụ | | |

| Stt | Hạng mục | Chủ đầu tư | Mã | Diện tích QH (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Xã, phường, thị trấn | Số tờ, số thửa | Nguồn vốn | Pháp lý dự án | Vốn đầu tư dự án | | Ghi chú |
|-----|---|-------------|-----|-------------------|---------------------------|--------------------------|--------------------------------------|---|-----------|--|--|---------------------|---------|
| | | | | | | | | | | | Pháp lý vốn | Số vốn (triệu đồng) | |
| | rộng đường ĐT 741B | QLDABT tỉnh | | | | | | trình dạng tuyến | Sách | 3794/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng | lục IV: Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh về giao chi tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2021 | 30.000 | |
| 4 | Mở rộng đường ĐH 507 | UBND huyện | DGT | 3,40 | | 3,40 | Vĩnh Hòa, Tân Hiệp, An Linh, An Thái | Công trình dạng tuyến | Ngân Sách | QĐ số 3214/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng | lục VI: Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh về giao chi tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2021 | 27.310 | |
| 5 | Cải tạo, nâng cấp, mở rộng trường THCS Vĩnh Hòa | UBND huyện | DGD | 1,13 | | 1,13 | Vĩnh Hòa | Các thửa số 788, 718, 336, 582, 581, 774, 692, 1062, 584, 1053, 171, 716, 1061, 762, 583, 485; tờ số 15 | Ngân Sách | QĐ số 1046/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND huyện Phú Giáo về việc phê duyệt dự án | SIT 4 - kèm theo Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện Phú Giáo về giao chi tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2021 | 10.000 | |

| Stt | Hạng mục | Chủ đầu tư | Mã | Diện tích QH (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Xã, phường, thị trấn | Số tờ, số thửa | Nguồn vốn | Pháp lý dự án | Vốn đầu tư dự án | | Ghi chú |
|-----|---|------------|-----|-------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------|---|-----------|---|--|---------------------|---------|
| | | | | | | | | | | | Pháp lý vốn | Số vốn (triệu đồng) | |
| 6 | Đền bù, giải tỏa khu đất phía sau Trụ sở Huyện ủy và phía sau trụ sở Khối vận huyện | UBND huyện | TSC | 0,64 | 0,64 | 0,64 | Phước Vĩnh | Các thửa số 160, 175, 163, 161, 173; Tờ bản đồ số 8 | Ngân Sách | QĐ số 714/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Công trình | STT 5 - kèm theo Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND huyện Phú Giáo về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2021 | 19.000 | |
| VII | Huyện Bắc Tân Uyên | | 2 | 28,50 | 0,63 | 27,87 | | | | | | | |
| 1 | Nâng cấp, mở rộng sỏi đỏ đường Bình Mỹ 12 | UBND huyện | DGT | 3,20 | | 3,20 | Bình Mỹ | Công trình đang tuyển | Ngân Sách | QĐ số 2988/QĐ-UBND ngày 16/11/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên phê duyệt chủ trương đầu tư | Quyết định số 3286/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh chỉ tiêu đầu tư công năm 2021 | 10.000 | |
| 2 | Tuyến đường dọc sông Bé huyện Bắc Tân Uyên | UBND huyện | DGT | 25,30 | 0,63 | 24,67 | Hiếu Liêm, Tân Định | Công trình đang tuyển | Ngân Sách | QĐ số 3292/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư dự án | STT 19 - Phụ lục VI: Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch | 5.000 | |

| Stt | Hạng mục | Chủ đầu tư | Mã | Diện tích QH (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Xã, phường, thị trấn | Số tờ, số thửa | Nguồn vốn | Pháp lý dự án | Vốn đầu tư dự án | | Ghi chú |
|------|---|----------------------|-----|-------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------|-----------------------|-----------|---|--|---------------------|---------|
| | | | | | | | | | | | Pháp lý vốn | Số vốn (triệu đồng) | |
| VIII | Huyện Dầu Tiếng | | 9 | 16,51 | | 16,51 | | | | | | | |
| 1 | Nâng cấp các tuyến đường còn lại trong khu Trung tâm văn hóa thể thao huyện Dầu Tiếng | UBND huyện Dầu Tiếng | DGT | 0,23 | | 0,23 | Thị trấn Dầu Tiếng | Công trình dạng tuyến | Ngân Sách | Quyết định chủ trương đầu tư số 1776/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư | STT 48 - Phụ lục VI : Quyết định số 3987/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2021 | 10.000 | |
| 2 | Xây dựng hạ lưu các công ngang đường ĐT.744 đoạn đi qua địa bàn huyện Dầu Tiếng | UBND huyện Dầu Tiếng | DGT | 1,13 | | 1,13 | Xã Thanh Tuyền | Công trình dạng tuyến | Ngân Sách | Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư | STT 2 - Phụ lục II: Danh mục dự án bổ sung vốn kế hoạch đầu tư công, Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm | 19.000 | |

| Stt | Hạng mục | Chủ đầu tư | Mã | Diện tích QH (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Xã, phường, thị trấn | Số tờ, số thửa | Nguồn vốn | Pháp lý dự án | Vốn đầu tư dự án | | Ghi chú |
|-----|--|----------------------|-----|-------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------|-----------------------|-----------|--|--|---------------------|---------|
| | | | | | | | | | | | Pháp lý vốn | Số vốn (triệu đồng) | |
| 3 | Nâng cấp Bê Tông Nhựa tuyến đường giao thông nông thôn từ đường ĐH.716 đến đường Hồ Chí Minh, ấp Bờ Càng, xã Long Tân | UBND huyện Dầu Tiếng | DGT | 2,03 | | 2,03 | xã Long Tân | Công trình dạng tuyến | Ngân Sách | Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư | STT 41- Phụ lục Kế hoạch đầu tư công năm 2021: Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2021 | 1.400 | |
| 4 | Nâng cấp Bê Tông Nhựa tuyến đường giao thông nông thôn từ cầu Cái Liều 1 đến cầu Cái Liều 2, ấp Cây Liều, xã Minh Thạnh. | UBND huyện Dầu Tiếng | DGT | 1,79 | | 1,79 | Xã Minh Thạnh | Công trình dạng tuyến | Ngân Sách | Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư | STT 42- Phụ lục Kế hoạch đầu tư công năm 2021: Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2021 | 652 | |

| Stt | Hạng mục | Chủ đầu tư | Mã | Diện tích QH (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Xã, phường, thị trấn | Số tờ, số thửa | Nguồn vốn | Pháp lý dự án | Vốn đầu tư dự án | | Ghi chú |
|-----|---|----------------------|-----|-------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------|-----------------------|-----------|--|--|---------------------|---------|
| | | | | | | | | | | | Pháp lý vốn | Số vốn (triệu đồng) | |
| 5 | Nâng cấp Bê Tông Nhựa tuyến đường giao thông nông thôn từ cầu Cái Liều 1 đến tuyến 7 (nhà ông Hộ), ấp Cây Liều, xã Minh Thạnh. | UBND huyện Dầu Tiếng | DGT | 2,40 | | 2,40 | Xã Minh Thạnh | Công trình dạng tuyến | Ngân Sách | Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư | STT 43- Phụ lục Kế hoạch đầu tư công năm 2021: Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2021 | 700 | |
| 6 | Nâng cấp Bê Tông Nhựa tuyến đường giao thông nông thôn (từ nhà ông Phu đến nhà ông Liều) ấp Đồng Bé, xã Minh Thạnh. | UBND huyện Dầu Tiếng | DGT | 1,18 | | 1,18 | Xã Minh Thạnh | Công trình dạng tuyến | Ngân Sách | Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư | STT 44- Phụ lục Kế hoạch đầu tư công năm 2021: Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2021 | 400 | |
| 7 | Nâng cấp Bê Tông Nhựa tuyến đường giao thông nông thôn (từ Nghĩa trang Giáo xứ Minh Thạnh đến trại heo ông Cường) ấp Đồng Sơn, xã Minh Thạnh. | UBND huyện Dầu Tiếng | DGT | 1,50 | | 1,50 | Xã Minh Thạnh | Công trình dạng tuyến | Ngân Sách | Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư | STT 45- Phụ lục Kế hoạch đầu tư công năm 2021: Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2021 | 500 | |

| Stt | Hạng mục | Chủ đầu tư | Mã | Diện tích QH (ha) | Diện tích hiện trạng (ha) | Diện tích tăng thêm (ha) | Xã, phường, thị trấn | Số tờ, số thửa | Nguồn vốn | Pháp lý dự án | Vốn đầu tư dự án | | Ghi chú |
|----------|---|--------------------------|-----|-------------------|---------------------------|--------------------------|--|-----------------------|-----------|--|--|---------------------|---------|
| | | | | | | | | | | | Pháp lý vốn | Số vốn (triệu đồng) | |
| 8 | Nâng cấp Bé Tông Nhựa tuyến đường giao thông nông thôn từ đường ĐT749A đến cầu Bến Than, ấp Hố Đá, xã Long Tân. | UBND huyện Dầu Tiếng | DGT | 5,15 | | 5,15 | xã Long Tân | Công trình dạng tuyến | Ngân Sách | Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư | STTT 60- Phụ lục Kế hoạch đầu tư công năm 2021: Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2021 | 29.187 | |
| 9 | Đầu tư nâng cấp, mở rộng, mở mới tuyến đường giao thông nông thôn ấp Đất Đỏ - Hàng Nù (đoạn từ ĐT748 đến đất bà Thanh, nhà ông Ba Thu) | UBND xã An Lập | DGT | 1,10 | | 1,10 | Xã An Lập | Công trình dạng tuyến | Ngân Sách | Công văn số 344/UBND-KT ngày 11/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng về việc chấp thuận chủ trương giao Ủy ban nhân dân xã An Lập làm chủ đầu tư | Dự án do nhà nước và nhân dân cùng làm (trong đó: Vốn ngân sách xã để thực hiện đầu tư dự án, không bố trí vốn để chi bồi thường khi thu hồi đất; người dân hiến đất để mở rộng đường) | | |
| B | Dự án thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương (đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên theo khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai 2013) | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Dự án nạo vét, gia cố tuyến Suối Cái đoạn từ cầu Thợ Ụt đến sông Đòng Nai | Ban QLDA ngành NN & PTNT | DTL | 187,32 | 40,33 | 146,99 | Phú Chánh, Vĩnh Tân, Tân Hiệp, Khánh Bình, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Phước Khánh, | Công trình dạng tuyến | Ngân sách | Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chủ trương đầu tư | STTT 17 và 1 - Phụ lục III và IX: Kế hoạch đầu tư công năm 2021 kèm theo Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày | 302.590 | |

